

Bản án số: 200/2017/HS-ST
Ngày: 25-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

- 1/ Bà Lê Thị Kiều Thu
- 2/ Ông Hồ Khắc Tuyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiệu - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/HSST-QĐ ngày 11/12/2017, đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T - Sinh năm: 1969, tại Bình Thuận. Tên thường gọi: Ba.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường HL, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Cha: ông Nguyễn Văn R(chết); Mẹ: bà Phan Thị T, sinh năm 1948 (già yếu); Chồng Nguyễn Pháo H, sinh năm: 1968, con có 02 người Nguyễn Pháo T, sinh năm 1987 (chết) và Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990. Cùng trú tại khu phố 2, phường HL, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: ngày 19/7/2000, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án số 33/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 24/4/2001. Bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

- Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Trú tại: khu phố 2, phường ĐN, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 01/7/2017, Nguyễn Thị T chở cháu ngoại là Trần Nguyễn Hải U, sinh ngày 12/3/2012 đến cửa hàng bán bao bì Nam Tấn trên đường Kim Đồng thuộc khu phố 2, phường ĐN, thành phố P để mua túi nylon để về bán hàng. Khi bước vào trong cửa hàng, T nhìn thấy có một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5s của chị Trương Thị Thanh Th là nhân viên của cửa hàng để trên chồng túi nylon trong cửa hàng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, T vấy tay ra hiệu cho cháu U đang đứng ở ngoài đi vào trong cửa hàng và chỉ tay nhiều lần vào vị trí để chiếc điện thoại, đồng thời ra cử chỉ gạt đầu cho cháu U lấy chiếc điện thoại này. Sau đó, T đi gần đến người phụ nữ đang bán tại cửa hàng mua 5.000 đồng túi nylon đồng thời tìm vị trí che khuất tầm nhìn của người phụ nữ này nhằm mục đích để không phát hiện cháu U lấy điện thoại. Sau khi cháu U lấy được điện thoại di động, T vấy tay ra hiệu cho cháu U đi ra ngoài rồi T cũng đi ra lấy điện thoại từ cháu U và cùng đi về nhà.

Chị Trương Thị Thanh Th sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động hiệu Iphone 5S đã báo Công an phường ĐN.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P sau khi kiểm tra camera an ninh tại cửa hàng Nam Tấn thì phát hiện và xác minh nhân thân đó chính là Nguyễn Thị T nên đã mời về trụ sở làm việc.

Ngày 02/7/2017, sau khi nghe chồng là Nguyễn Pháo H báo là có công an đến tìm nên T nghĩ có liên quan đến chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt. Do đó, T đã đem chiếc điện thoại di động đến cửa hàng Nam Tấn trả lại cho chị Th và nói đó là điện thoại di động do cháu ngoại vô tình lấy vào ngày hôm qua. Sau khi nhận điện thoại di động từ bà T, chị Th đã báo công an giải quyết.

Vật chứng vụ án gồm: một điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng bạc, số Imel 352084076304771, một ốp lưng điện thoại màu vàng xanh, không nhãn hiệu do Trương Thị Thanh Th giao nộp lúc 16 giờ ngày 02/7/2017, bên dưới biên bản tạm giữ đồ vật có xác nhận của bà Nguyễn Thị T đó là điện thoại di động bà T đã trả cho bà Th.

Tại kết luận định giá tài sản số 145 ngày 19/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P đã xác định: Một điện thoại di động hiệu Iphone 5s – 16Gb trị giá 5.500.000 đồng; một ốp lưng điện thoại di động trị giá 50.000 đồng. Tổng cộng: 5.550.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bà Th, bà Th nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản cáo trạng số 230/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 01,02 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án tù từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Về dân sự bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Thị T không trình bày lời bào chữa cũng như không có ý kiến về lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng pháp luật.

[2] Về đánh giá chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Do lòng tham cá nhân, muốn sử dụng tài sản mà không cần phải lao động để làm ra, nên khoảng 19 giờ ngày 01/7/2017, Nguyễn Thị T chở theo cháu ngoại là Trần Nguyễn Hải U đến cửa hàng bán bao bì Nam Tấn thuộc khu phố 2, phường ĐN, thành phố P thấy chị Trương Thị Thanh Th để một điện thoại di động hiệu Iphone 5s, trị giá 5.550.000 đồng trên chồng bao nylon trong cửa hàng nên T đã nảy sinh ý định chiếm

đoạt điện thoại. T đã chỉ cho cháu U vị trí của điện thoại di động và bảo cháu U lấy điện thoại, đồng thời T hỏi mua bao ny long và chọn vị trí đứng che khuất tầm nhìn để người bán hàng không phát hiện cháu U lấy điện thoại di động. Sau khi cháu U lấy được điện thoại di động thì bà T lấy điện thoại từ cháu U và đem về nhà cất giấu.

Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản cáo trạng số 230/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng qui định pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy, bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi của mình đối với xã hội, ý thức được quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng do lòng tham cá nhân, muốn sử dụng tài sản mà không cần phải lao động cực nhọc nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của người khác, thỏa mãn nhu cầu vật chất cá nhân, bất chấp pháp luật. Mặc dù, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng là người chủ mưu và xúi giục cháu ngoại là người chưa thành niên thực hiện việc lấy trộm tài sản, đồng thời bị cáo đã chủ động che khuất tầm nhìn để cảnh giới cho cháu ngoại lấy điện thoại di động của chị Th nên thuộc trường hợp “*Xúi giục người chưa thành niên phạm tội*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra đã thành khẩn khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với cháu Trần Nguyễn Hải U, sinh ngày 12/3/2012, đến ngày 01/7/2017, cháu U được 05 tuổi 03 tháng 19 ngày, không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự và còn quá nhỏ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P không tiến hành hoạt động điều tra đối với cháu U để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm lý là đúng.

[3] Về xử lý vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 264 ngày 06/10/2017 trả lại một điện thoại di động hiệu Iphone và một ốp lưng điện thoại cho chị Trương Thị Thanh Th là chủ sở hữu là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **TUYÊN bố:** Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

* **Áp dụng:** Khoản 01 Điều 138; điểm p khoản 01, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự.

* **Xử phạt:** Nguyễn Thị T **09(chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/12/2017).
Của bị hại là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tp P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phong Lan